



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGUYỄN TẤT THÀNH
KHOA DƯỢC

KẾ HOẠCH MỞ LỚP HỌC LẠI
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017 - 2018

S T T	MÃ HỌC PHẦN	MÃ LỚP HỌC	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT		NHÓM/ SỐ LHP	SỐ SỐ 1 LHP	TỔNG SỐ SỐ	GHI CHÚ
					LT	TH				

I. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Khóa 2013 - Ngành Dược Học - Tên lớp 13DDS.HL

1	0101032006	13DDS.HL.01	Hóa sinh	3	45	0	2	100	200	
2	0101000076	13DDS.HL.02	Bệnh học	3	45	0	1	100	100	
3	0101000548	13DDS.HL.03	Dược học cổ truyền - Thực hành	1	0	30	4	25	100	
4	0101000555	13DDS.HL.04	Dược liệu 2 - Thực hành	1	0	45	4	25	100	
5	0101000794	13DDS.HL.05	Kiểm nghiệm dược phẩm - Thực hành	1	0	40	4	25	100	
6	0101070767	13DDS.HL.06	Pháp chế dược	3	45	0	1	100	100	
7	0101070966	13DDS.HL.07	Hóa lý dược	2	30	0	2	100	200	
8	0101070970	13DDS.HL.08	Hóa dược 2	3	45	0	1	100	100	
9	0101070972	13DDS.HL.09	Hóa phân tích 2	3	45	0	1	100	100	
10	0101070973	13DDS.HL.10	Dược động học	2	30	0	1	100	100	
11	0101070974	13DDS.HL.11	Đạo đức hành nghề dược	2	30	0	1	100	100	
12	0101070975	13DDS.HL.12	Bảo chế và sinh dược học 1	2	30	0	1	100	100	
13	0101070979	13DDS.HL.13	Bảo chế và sinh dược học 2	3	45	0	1	100	100	
14	0101070981	13DDS.HL.14	Sản xuất thuốc 1	2	30	0	1	100	100	

2. Khóa 2015 - Ngành Dược Học - Tên lớp 15DDS.HL

S T T	MÃ HỌC PHẦN	MÃ LỚP HỌC	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT		NHÓM/ SỐ LHP	SỐ 1 LHP	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
					LT	TH				
1	0101071028	15DDS.HL01	Hóa sinh - Thực hành	1	0	30	4	25	100	
2	0117070973	15DDDS.HL02	Dược động học	2	30	0	1	100	100	
3	0117070967	15DDDS.HL03	Dược liệu 1	3	45	0	1	100	100	
4	0117070983	15DDDS.HL04	Hóa vô cơ	2	30	0	1	100	100	
5	0117071025	15DDDS.HL05	Hóa vô cơ - Thực hành	1	0	30	4	25	100	
6	0117071103	15DDDS.HL06	Ký sinh trùng - Dược - Thực hành	1	0	30	4	25	100	
7	0117070984	15DDDS.HL07	Sinh học đại cương - Dược	3	45	0	1	100	100	
8	0117001698	15DDDS.HL08	Thực vật dược - Thực hành	1	0	35	8	25	200	

3. Khóa 2016 - Ngành Dược Học - Tên lớp 16DDDS.CL.HL

1	0119072190	16DDDS.CL.HL01	Sinh học đại cương - Dược	2	30	0	1	100	100	
---	------------	----------------	---------------------------	---	----	---	---	-----	-----	--

4. Khóa 2016 - Ngành Dược Học - Tên lớp 16DDDS.TL.HL

1	0120072128	16DDDS.TL.HL01	Sinh học đại cương - Dược	3	45	0	1	100	100	
---	------------	----------------	---------------------------	---	----	---	---	-----	-----	--

II. CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

1. Khóa 2013 - Ngành Dược. - Tên lớp 13CDS.HL

1	0301000557	13CDS.HL01	Dược lý 1	3	45	0	1	100	100	
2	0301000559	13CDS.HL01	Dược lý 2	4	60	0	1	100	100	
3	0301032006	13CDS.HL01	Hóa sinh	3	45	0	1	100	100	

2. Khóa 2015 - Ngành Dược. - Tên lớp 15CDS.HL

1	0201073038	15CDS.HL01	Sinh học và di truyền - Dược	2	30	0	1	100	100	
2	0201000553	15CDS.HL02	Dược liệu	3	45	0	1	100	100	
3	0201000557	15CDS.HL03	Dược lý 1	3	45	0	1	100	100	
4	0201000679	15CDS.HL04	Hóa phân tích	2	30	0	1	100	100	

S T T	MÃ HỌC PHẦN	MÃ LỚP HỌC	TÊN HỌC PHẦN	TC	SỐ TIẾT		NHÓM/ SỐ LHP	SỐ 1 LHP	TỔNG SỐ	GHI CHÚ
					LT	TH				
5	0201000680	15CDS.HL.05	Hóa phân tích - Thực hành	1	0	30	4	25	100	
6	0201032006	15CDS.HL.06	Hóa sinh - Dược	2	30	0	1	100	100	
7	0201000670	15CDS.HL.07	Hóa vô cơ	3	45	0	1	100	100	
8	0201000671	15CDS.HL.08	Hóa vô cơ - Thực hành	1	0	30	4	25	100	
9	0201000032	15CDS.HL.09	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3	45	0	2	100	200	
10	0201000569	15CDS.HL.10	Giải phẫu sinh lý - Dược	3	45	0	1	60	60	
11	0201071752	15CDS.HL.12	Thực hành được khoa 2 (Dược liệu - Bảo chế)	1	0	30	1	25	25	

III. TRUNG CẤP

I. TRUNG CẤP CHÍNH QUY - Tên lớp 15STDSP.HL

1	0501000651	15STDSP.HL.01	Hóa được và được lý 1 - Thực hành	1	0	30	2	25	50	
---	------------	---------------	-----------------------------------	---	---	----	---	----	----	--

BAN GIÁM HIỆU

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

KHOA DƯỢC

TPHCM, ngày 28 tháng 8 năm 2018

ThS. Trần Hồng Quỳnh

ThS. Nguyễn Thanh Minh